ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 847 /QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 08 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP của Chính phủ trên địa bàn huyện Tân Châu

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý sử dụng tài sản công năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 37/2018/TT-BTC ngày 16/4/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;

Xét đề nghị của Thường trực Ban Chỉ đạo 167 tỉnh (Sở Tài chính) tại Tờ trình số 39/TTr-BCĐ167 ngày 20/3/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ trên địa bàn huyện Tân Châu, cụ thể:

1. Tổng diện tích đất: 1.041.332,10 m^2. Trong đó:

- Giữ lại tiếp tục sử dụng: 1.041.045,60 m^2.

- Bán đấu giá quyền sử dụng đất: 286,50 m^2.

2. Tổng diện tích sàn sử dụng nhà: 177.789,59 m^2. Trong đó:

- Giữ lại tiếp tục sử dụng: 177.402,93 m^2.

- Bán đấu giá tài sản trên đất: 386,66 m^2.

(Biểu chi tiết từng cơ quan, đơn vị kèm theo Mẫu số 01 và Phụ lục II)

Điều 2. Giao Chủ tịch UBND huyện Tân Châu chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng và các cơ quan khác có liên quan tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Phương án sắp xếp, xử lý nhà đất đã được phê duyệt theo đúng tiến độ và đảm bảo theo quy định hiện hành.

Riêng đối với nhà, đất được phê duyệt giữ lại tiếp tục sử dụng nếu chưa hoàn thiện hồ sơ pháp lý về nhà, đất thì các cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chức năng hoàn thiện hồ sơ pháp lý về nhà, đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Xây dựng, Chủ tịch UBND huyện Tân Châu; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVP: Long, Nhung, CVK;
- Lưu: VT. VP ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh.

03 V QD TAN CHAU

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Văn Thắng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Mẫu số 01

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, XỬ LÝ NHÀ, ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TÂN CHÂU

(kèm theo Quyết định số 847 /QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Stt	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích đất (m^2)	Diện tích nhà (m^2)		Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
			Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà					
1	2	3	4a	4b	5	6	7	8	9
I	**Khối cơ quan hành chính**	**13.963,00**	**2.173,90**	**3.792,56**	**0**	**0**	**0**	**0**	
1	Văn phòng HĐND-UBND (Trụ sở UBND huyện); KP3, thị trấn Tân Châu	9.688,00			I860764 ngày 29/08/1997	Xây dựng trụ sở UBND huyện			09 phòng ban nằm trong khuôn viên UBND huyện
	- Trụ sở làm việc		378,00	1.132,00			Trụ sở làm việc	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Nhà khách		275,00	550,00			Nhà khách, phòng họp, nhà ăn UBND huyện		
	- Nhà xe		194,90	194,90			Nhà xe CBCC		
	- Nhà làm việc 01 cửa, tiếp dân		370,00	495,00			Trụ sở làm việc		
	- Kho lưu trữ		195,00	390,00			Kho lưu trự tài liệu		
2	Phòng Tài chính - Kế hoạch (cũ); KP 2, thị trấn Tân Châu	286,50	243,00	386,66		Xây dựng trụ sở Phòng TCKH		Kêu gọi đầu tư	Dự kiến năm 2020
	Phòng Tài chính - Kế hoạch (mới); KP 3, thị trấn Tân Châu	825,00	374,00	594,00		Xây dựng trụ sở Phòng TCKH	Trụ sở Phòng TCKH	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Đưa vào sử dụng vào tháng 1/2019
3	Phòng Y tế; KP4, thị trấn Tân Châu	375,00	126,00	252,00	T00786 ngày 23/11/2006	Xây dựng trụ sở Phòng Y tế	Trụ sở Phòng Y tế	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Phòng Giáo dục và Đào tạo; KP4, thị trấn Tân Châu	3.900,00	392,00	392,00	I860760 ngày 16/8/1997	Xây dựng trụ sở Phòng GD&ĐT	Trụ sở Phòng GD&ĐT	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
II	**UBND các xã, thị trấn**	**519.139,40**	**31.236,27**	**36.341,62**					
1	**UBND thị trấn Tân Châu; KP1, thị trấn Tân Châu**	**15.714,10**	**10.573,60**	**11.058,49**					

Stt	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích đất (m^2)	Diện tích nhà (m^2)		Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
			Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà					
1	2	3	4a	4b	5	6	7	8	9
	- Trụ sở UBND thị trấn	2.595,10	2.595,10	3.079,99	CS01963 ngày 12/10/2017	Xây dựng trụ sở UBND Thị trấn	Trụ sở UBND Thị trấn	Giữ lại tiếp tục sử dụng	trụ sở và công an xã
		2.853,70	2.853,70	2.853,70	CT01964 ngày 11/10/2017				quân sự xã và đất trống
	- Chợ Tân Châu	8.189,20	4.744,40	4.744,40	Chưa có GCN	Xây dựng Chợ	Chợ		
	- Nhà sinh hoạt KP1	144,30	97,00	97,00	Chưa có GCN	Xây dựng VP ấp	VP ấp		
	- Nhà sinh hoạt KP2	110,50	78,00	78,00	Chưa có GCN				
	- Nhà sinh hoạt KP3	918,00	105,40	105,40	CT01927 ngày 06/09/2017				
	- Nhà sinh hoạt KP4	903,30	100,00	100,00	CT01926 ngày 06/09/2017				
2	**UBND xã Tân Hưng**	**28.343,90**	**2.397,10**	**3.824,20**					
	- Trụ sở UBND xã	9.003,40	1.427,10	2.854,20	L055200 cấp ngày 25/11/1997	Xây dựng trụ sở UBND xã	Trụ sở UBND xã	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Sân vận động	9.765,00				Sân bóng đá	Sân bóng đá		
	- Đài tưởng niệm liệt sĩ	2.878,70				Đài tưởng niệm	Đài tưởng niệm		
	- Chợ Tân Hưng	1.886,00				Chợ	Chợ		
	- VP ấp Tân Đông	1.121,00	145,00	145,00	Chưa có GCN	Xây dựng VP ấp	VP ấp		Trạm y tế xã (cũ)
	- VP ấp Tân Tây	500,00	145,00	145,00					
	- VP ấp Tân Thạnh	471,80	145,00	145,00					
	- VP ấp Tân Lợi	608,70	145,00	145,00					
		206,90	50,00	50,00					VP ấp Tân Lợi (cũ)
	- VP ấp Tân Trung A	1.147,20	145,00	145,00					
		270,70	50,00	50,00					VP ấp Tân Trung A (cũ)
	- VP ấp Tân Trung B	484,50	145,00	145,00					

Stt	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích đất (m^2)	Diện tích nhà (m^2)		Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
			Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà					
1	2	3	4a	4b	5	6	7	8	9
3	**UBND xã Thạnh Đông; Ấp Thạnh Quới, xã Thạnh Đông**	**26.090,90**	**1.616,50**	**1.616,50**					
	- Trụ sở UBND xã	4.002,00	969,00	969,00	CS01831 cấp ngày 02/02/2016	Xây dựng trụ sở UBND xã	Trụ sở UBND xã	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- VP ấp Thạnh Hòa	2.833,10	129,50	129,50	CT01709 cấp ngày 22/12/2016	Xây dựng VP ấp	VP ấp		
	- VP ấp Thạnh Nghĩa	1.470,70	129,50	129,50	CT01723 cấp ngày 31/07/2015				
	- VP ấp Thạnh Hiệp	414,00	129,50	129,50	CT01274 cấp ngày 31/07/2015				
	- VP ấp Thạnh Hưng	2.500,20	129,50	129,50	CT01272 cấp ngày 31/07/2015				
	- Sân vận động	10.040,30	129,50	129,50	Chưa có GCN	Sân vận động	Sân vận động		
	- TTVHHTCĐ	4.830,60				TTVHHTCĐ	TTVHHTCĐ		
4	**UBND xã Suối Ngô; Ấp 2, xã Suối Ngô**	**20.845,70**	**1.842,40**	**2.739,40**					
	- Trụ sở UBND xã (mới)	7.332,50	839,40	1.329,40	CB640553	Xây dựng trụ sở UBND xã	Trụ sở UBND xã	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Trụ sở UBND xã (cũ)	3.148,80	683,00	1.090,00	M087332		Nhà văn hóa		
	- Văn phòng ấp 1	282,00	40,00	40,00	Chưa có GCN	Xây dựng VP ấp	VP ấp		
	- Văn phòng ấp 2	480,20	25,00	25,00					
	- Văn phòng ấp 3	534,30	35,00	35,00					
	- Văn phòng ấp 4	2.141,30	40,00	40,00					
	- Văn phòng ấp 5	1.393,50	40,00	40,00	BM189300				
	- Văn phòng ấp 6	5.126,50	100,00	100,00	BM189301				
	- Văn phòng ấp Trảng Ba Chân	406,60	40,00	40,00	Chưa có GCN				

Stt	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích đất (m^2)	Diện tích nhà (m^2)		Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
			Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà					
1	2	3	4a	4b	5	6	7	8	9
5	**UBND xã Tân Hội; Ấp Tân Phú, xã Tân Hội**	**97.240,10**	**1.264,10**	**1.614,40**					
	- Trụ sở UBND xã	3.074,30	638,30	988,60	QĐ 216/QĐ-UBND cấp ngày 15/05/2001	Xây dựng trụ sở UBND xã	Trụ sở UBND xã	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- VP ấp Hội Thành	641,40	101,80	101,80	Chưa có GCN	Xây dựng VP ấp	VP ấp		
	- VP ấp Hội Thanh	282,20	111,00	111,00					
	- VP ấp Hội Tân	840,20	67,00	67,00					
	- VP ấp Hội Phú	588,90	92,80	92,80					
	- VP ấp Hội Thạnh	194,60	55,80	55,80					
	- VP ấp Hội An	1.439,40	55,90	55,90					
	- Nhà Văn hóa ấp Hội An	2.238,30	141,50	141,50	Chưa có GCN	Xây dựng nhà văn hóa	Nhà văn hóa		
	- Chợ Tân Hội	3.340,80			Chưa có GCN	Xây dựng chợ	Chợ		
		47,10							
	- Nghĩa trang ấp Hội Tân	4.912,80			Chưa có GCN	Nghĩa trang	Nghĩa trang		
		9.355,30							
	- Nghĩa trang ấp Hội An, Hội Phú	21.792,80			Chưa có GCN				
	- Nghĩa trang ấp Hội Thạnh	29.119,90			Chưa có GCN				
	- Sân bóng đá ấp Hội Thạnh	12.791,40			Chưa có GCN	Sân bóng đá	Sân bóng đá		
	- Sân bóng đá ấp Hội An	6.580,70			Chưa có GCN				

Stt	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích đất (m^2)	Diện tích nhà (m^2)		Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
			Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà					
1	2	3	4a	4b	5	6	7	8	9
6	**UBND xã Tân Đông; Ấp Đông Tiến, xã Tân Đông**	**159.865,00**	**2.510,00**	**2.730,00**					
	- Trụ sở UBND xã	7.467,00	1.905,00	2.125,00	CT00750 ngày 09/01/2014	Xây dựng trụ sở UBND xã	Trụ sở UBND xã	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- VP ấp Đông Hiệp	521,70	107,00	107,00	CT00752 ngày 09/01/2014	Xây dựng VP ấp	VP ấp		
	- VP ấp Đông Biên	370,00	50,00	50,00	Chưa có GCN				
	- VP ấp Đông Lợi	225,00	48,00	48,00					
	- VP ấp Đông Hà	2.535,00	104,00	104,00	CT00751 ngày 09/01/2014				
	- VP ấp Đông Thành	698,30	48,00	48,00	CT007503 ngày 09/01/2014				
	- VP ấp Đông Tiến	537,00	48,00	48,00	Chưa có GCN				
	- Đất chợ ấp Đông Tiến	6.743,00					Chợ		
	- Nhà Văn hóa xã ấp Đông Tiến	1.600,00	200,00	200,00			Nhà văn hóa		
	- Sân vận động ấp Đông Tiến	8.419,00					Sân vận động		
	- Nghĩa trang ấp Đông Tiến	13.772,00					Nghĩa trang		
	- Đất QH công viên cây xanh	4.091,00					Công viên		
	- Sân vận động ấp Đông Hà	9.947,00					Sân vận động		
	- Nghĩa trang ấp Đông Hà	7.769,00					Nghĩa trang		
	- Chợ ấp Đông Hà					Đã lập PA cấp Giấy CNQSDĐ cho dân xây nhà ở			
	- Đất xã đội sản xuất ấp Tầm Phô	44.934,00					cho thuê sản xuất nông nghiệp		
	- Ruộng CA + Xã đội ấp Tầm Phô	29.302,00							
	- Đất ruộng xã đội ấp Tầm Phô	9.647,00							
	- Nghĩa trang ấp Đông Biên	11.287,00			Chưa có GCN	Nghĩa trang	Nghĩa trang		

Stt	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích đất (m^2)	Diện tích nhà (m^2)		Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
			Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà					
1	2	3	4a	4b	5	6	7	8	9
7	**UBND xã Tân Phú; Ấp Tân Hòa, xã Tân Phú**	**27.998,70**	**1.784,90**	**2.031,10**					
	- Trụ sở UBND xã	7.944,40	1482,90	1.729,10	00073QSDĐ/45030 9 cấp ngày 17/11/1997	Xây dựng trụ sở UBND xã	Trụ sở UBND xã	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Sân bóng đá ấp Tân Hòa	6.694,80					Sân bóng đá		
	- VP ấp Tân Tiến	999,50	54,00	54,00	CT02184 cấp ngày 19/03/2018	Xây dựng VP ấp	VP ấp		
	- VP ấp Tân Hòa	434,60	54,00	54,00	Chưa có GCN				
	- VP ấp Tân Xuân	1.000,10	45,00	45,00	CT02185 cấp ngày 19/03/2018				
	- VP ấp Tân Thanh	2.501,00	50,00	50,00	Chưa có GCN				Đất Công ty CP Mía đường Tây Ninh bàn giao
	- VP ấp Tân Lợi	1.092,70	54,00	54,00					
	- VP ấp Tân Châu	801,00	45,00	45,00	CT02186 cấp ngày 19/03/2018				
	- Sân bóng đá ấp Tân Thanh	6.530,60			Chưa có GCN		Sân bóng đá		
8	**UBND xã Tân Hiệp; Ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp**	**15.820,60**	**1.815,65**	**1.815,65**					
	- Trụ sở UBND xã	2.095,50	1.015,80	1.015,80	T00884 cấp ngày 01/07/204	Xây dựng trụ sở UBND xã	Trụ sở UBND xã	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
		4.026,90	624,85	624,85	Chưa có GCN				
	- VP ấp Tân Trường	1.064,10	50,00	50,00	Chưa có GCN	Xây dựng VP ấp	VP ấp		
	- VP ấp Tân Bình	2.629,80	60,00	60,00					
	- VP ấp Hội Thắng	6.004,30	65,00	65,00					
9	**UBND xã Tân Hòa; Ấp Tân Thuận, xã Tân Hòa**	**9.195,00**	**1.843,10**	**3.019,10**					

Stt	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích đất (m^2)	Diện tích nhà (m^2)		Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
			Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà					
1	2	3	4a	4b	5	6	7	8	9
	- Trụ sở UBND xã	2.725,40	365,10	365,10	CT00737 cấp ngày 09/1/2014	Xây dựng trụ sở	Ban ngành đoàn thể, Công an, xã đội và nhà ăn	giữ lại tiếp tục sử dụng	
		1.878,30	1.176,00	2.352,00	TC00735 cấp ngày 09/1/2014		Trụ sở UBND xã		
	- VP ấp Cây Cầy	249,70	40,00	40,00	CT00739 cấp ngày 09/1/2014	Xây dựng VP ấp	VP ấp		
	- VP ấp Con Trăn	436,00	30,00	30,00	CT00742 cấp ngày 09/1/2014				
	- VP ấp Tân Thuận	1.175,50	112,00	112,00	CT00738 cấp ngày 09/1/2014				
	- VP ấp Suối Bà Chiêm	838,70	50,00	50,00	CT00743 cấp ngày 09/1/2014				
	- VP ấp Cây Khế	810,50	30,00	30,00	CT00740 cấp ngày 09/1/2014				
	- VP ấp Trảng Trai	1.080,90	40,00	40,00	CT00741 cấp ngày 09/1/2014				
10	**UBND xã Tân Hà: Ấp Tân Dũng, xã Tân Hà**	**37.133,10**	**2.100,10**	**2.316,10**					
	- Trụ sở UBND xã (mới)	17.474,60	416,00	832,00	CT00746 cấp ngày 9/1/2014	Xây dựng trụ sở UBND xã Tân Hà	Trụ sở UBND xã	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Sử dụng từ tháng 9/2018
	- Trụ sở UBND xã (cũ)		350,00	350,00			Phòng làm việc tạm của Xã đội, các hội đặc thù và kho lưu trữ		
	- Công an xã (cũ)		158,00	158,00			Phòng làm việc tạm của Công an, xã đội		
	- Công an xã (mới)		Đang xây dựng						
	- VP ấp Tân Kiên	1.621,30	70,00	70,00	Chưa có GCN	Xây dựng VP ấp	VP ấp		
	- VP ấp Tân Trung	571,50	70,00	70,00					
	- VP ấp Dũng	860,10	70,00	70,00					
	- VP ấp Tân Cường	402,60	70,00	70,00					
	- VP ấp Tân Lâm	251,70	70,00	70,00					

Stt	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích đất (m^2)	Diện tích nhà (m^2)		Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
			Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà					
1	2	3	4a	4b	5	6	7	8	9
	- Trung tâm văn hóa (mới)	5.044,30	476,10	476,10	Chưa có GCN	Xây dựng TT văn hóa TDTTHTCĐ	Trung tâm văn hóa TDTTHTCĐ		
	- Trung tâm văn hóa (cũ)	10.907,00	350,00	150,00		Nhà công vụ	Nhà công vụ		
11	**UBND xã Suối Dây; Ấp 4, xã Suối Dây**	**67.813,50**	**1.871,52**	**1.959,38**					
	- Trụ sở UBND xã	9.292,00	1.138,42	1.226,28	T00182 cấp ngày 21/10/1999	Xây dựng trụ sở UBND xã	Trụ sở UBND xã	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- VP ấp 1	621,10	96,20	96,20	CT007761 cấp ngày 23/01/2014	Xây dựng VP ấp	VP ấp		
	- VP ấp 2	452,60	103,20	103,20	CT007762 cấp ngày 23/01/2014				
	- VP ấp 3	342,90	66,90	66,90	CT007763 cấp ngày 23/01/2014				
	- VP ấp 4	1.782,20	103,20	103,20	CT007764 cấp ngày 23/01/2014				
	- VP ấp 5	830,00	43,50	43,50	Chưa có GCN				
	- VP ấp 6	871,40	103,20	103,20	CT007765 cấp ngày 23/01/2014				
	- VP ấp 7	4.508,50	61,70	61,70	Chưa có GCN				
	- VP ấp Chăm	935,00	155,20	155,20	CT007766 cấp ngày 23/01/2014				
	- Chợ ấp 2	7.161,00			Chưa có GCN		Chợ		
	- Sân bóng đá ấp 4	4.984,90					Sân bóng đá		
	- Sân bóng đá ấp Chăm	8.996,90							
	- Nghĩa trang ấp 3	9.409,00					Nghĩa trang		
	- Nghĩa trang ấp 4	17.626,00							
12	**UBND xã Tân Thành; Ấp Tân Trung, xã Tân Thành**	**13.078,80**	**1.617,30**	**1.617,30**					

Stt	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích đất (m^2)	Diện tích nhà (m^2)		Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
			Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà					
1	2	3	4a	4b	5	6	7	8	9
	- Trụ sở UBND xã	5.366,80	995,90	995,90	00081 cấp ngày 27/12/1997	Xây dựng trụ sở UBND xã	Trụ sở UBND xã	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- VP ấp Đồng Rùm	400,00	45,00	45,00	Chưa có GCN	Xây dựng VP ấp	VP ấp		xây dựng trong đất trường học
	- VP ấp Tân Hiệp	32,00	32,00	32,00					xây dựng trong đất trường học
	- VP ấp Tân Hòa	35,00	35,00	35,00					xây dựng trong đất trường học
	- VP ấp Tân trung	45,00	45,00	45,00					
	- VP ấp Tân Đông	794,60	60,00	60,00					
	- VP ấp Tân Thuận	400,00	35,00	35,00					
	- VP ấp Đồng Kèn 1	45,00	45,00	45,00					
	- VP ấp Đồng Kèn 2	2.700,00	92,00	92,00					
	- VP ấp Tà Dơ	48,00	48,00	48,00					
	- Nhà văn hóa	3.212,40	184,40	184,40	Chưa có GCN	Xây dựng nhà văn hóa xã	Nhà văn hóa xã		
III	**Khối đơn vị sự nghiệp, khác**	**508.229,70**	**97.265,04**	**137.655,41**	**0**	**0**	**0**	**0**	
1	Ban QLDA ĐTXD huyện; KP 3, thị trấn Tân Châu	476	154,87	309,74	2956/QĐ-UBND ngày 15/12/2015	Xây dựng trụ sở Ban QLDA ĐTXD huyện	Ban QLDA ĐTXD huyện	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Trung tâm bồi dưỡng chính trị; KP4, thị trấn Tân Châu	3.360,00	1.032,42	1.032,42	00070QSDĐ/450301 cấp ngày 17/11/1997	Xây dựng trụ sở Trung tâm bồi dưỡng chính trị	Trụ sở Trung tâm bồi dưỡng chính trị	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Đài Phát thanh; KP4, thị trấn Tân Châu		240,00	480,00	Chưa có GCN	Xây dựng trụ sở Đài truyền thanh	Trụ sở Đài truyền thanh	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Nằm trong khuôn viên UBND huyện
4	Hội Đông y; KP4, thị trấn Tân Châu	800,00	176,08	288,08	T00900 cấp ngày 01/07/2004	Xây dựng trụ sở Hội Đông y	Trụ sở Hội Đông y	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Huyện Đoàn; KP2, thị trấn Tân Châu	600,00	400,00	400,00	Chưa có GCN	Nhà thiếu nhi	Huyện đoàn đang sử dụng	Xây mới	

Stt	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích đất (m^2)	Diện tích nhà (m^2)		Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
			Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà					
1	2	3	4a	4b	5	6	7	8	9
6	Thư viện huyện; KP1, thị trấn Tân Châu								Chung trụ sở làm việc của Trung tâm VH-TT huyện (mượn tạm 03 phòng làm việc để hoạt động)
7	Trung tâm DS-KHHGĐ; KP4, thị trấn Tân Châu	800,00	196,80	393,60	T00901/QSDĐ cấp ngày 1/7/2004	Xây dựng Trung tâm DS-KHHGĐ	Trung tâm DS-KHHGĐ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Bến xe khách; KP1, thị trấn Tân Châu	3.056,70	60,00	60,00	211 cấp ngày 24/05/2017	Bến xe khách	Bến xe khách	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	Trạm y tế thị trấn Tân Châu; KP1, thị trấn Tân Châu	755,30	216,11	216,11	CT00791 cấp ngày 5/5/2014	Xây dựng Trạm y tế xã	Trạm y tế xã	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
10	Trạm y tế xã Tân Hòa; Ấp Tân Thuận, xã Tân Hòa	2.072,00	254,97	254,97	Chưa có GCN	Xây dựng Trạm y tế xã	Trạm y tế xã	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
11	Trạm y tế xã Tân Thành								
	- Vị trí 1: Ấp Tân Thuận, xã Tân Thành	1.510,40	377,40	377,40	Chưa có GCN	Xây dựng trạm y tế xã	Xây dựng trạm y tế xã	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Vị trí 2: Ấp Đồng Kèn 2, xã Tân Thành	1.093,40	125,40	125,40	CT007996 ngày 14/01/2014				
12	Trạm y tế xã Tân Hà; Ấp Tân Trung, xã Tân Hà								
	- Trạm y tế xã (mới)	11.747,90	350,00	350,00	Chưa có GCN	Xây dựng Trạm y tế xã	Trạm y tế xã	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Trạm y tế xã (cũ)	982,50	300,00	300,00	QĐ 224/QĐ-CT ngày 15/05/2001	Nhà công vụ	Nhà công vụ		
13	Trạm y tế xã Tân Hưng; ấp Tân Đông, xã Tân Hưng	2.000,00			đang làm thủ tục cấp giấy CNQSDĐ	Xây dựng trạm y tế xã	Trạm y tế xã	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
14	Trạm y tế xã Tân Phú; ấp Tân Hòa, xã Tân Phú	1.875,10	426,60	853,20	00058QSDĐ/450309 cấp ngày 22/09/1997	Xây dựng trạm y tế xã	Trạm y tế xã	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường MG, MN	**100.440,60**	**33.282,49**	**33.282,49**					

Stt	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích đất (m^2)	Diện tích nhà (m^2)		Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
			Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà					
1	2	3	4a	4b	5	6	7	8	9
15	Trường MG Tân Hưng	5.347,20	1.980,00	1.980,00					
	- Cơ sở 1: Ấp Tân Đông, xã Tân Hưng	*4.402,20*	*1.780,00*	*1.780,00*	*BA021982 cấp ngày 20/08/2010*	*Xây dựng trường*	*Trường MG Tân Hưng*	*Giữ lại tiếp tục sử dụng*	
	- Cơ sở 2: Ấp Tân Thạnh, xã Tân Hưng	*945,00*	*200,00*	*200,00*	*AC991194 cấp ngày 29/05/2015*				
16	Trương MG Tân Hà; Ấp Tân Trung, xã Tân Hà	5.000,00	842,00	842,00	AC991223 cấp ngày 15/5/2002	Xây dựng trường	Trường MG Tân Hà	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
17	Trương MG Suối Dây	6.859,20	2.496,23	2.496,23					
	- Cơ sở 1: Ấp Chăm, xã Suối Dây (phụ)	*1.526,00*	*323,76*	*323,76*	*T00210 cấp ngày 8/8/2005*	*Xây dựng trường*	*Trường MG Suối Dây*	*Giữ lại tiếp tục sử dụng*	
	- Cơ sở 2: Ấp 4, xã Suối Dây (chính)	*5.333,20*	*2.172,47*	*2.172,47*	*T00695 cấp ngày 18/7/2006*				
18	Trường MG Tân Đông	13.102,70	4.975,03	4.975,03					
	- Cơ sở 1: Ấp Đông Tiến, xã Tân Đông	*2.682,00*	*1.716,00*	*1.716,00*	*244/QĐ-UBND cấp ngày 15/05/2002*	*Xây dựng trường*	*Làm nhà công vụ*	*Giữ lại tiếp tục sử dụng*	
	- Cơ sở 2: Ấp Đông Thành, xã Tân Đông	*2.975,10*	*1.122,50*	*1.122,50*	*946/QĐ-UBDN cấp ngày 5/5/2015*		*Trường MG Tân Đông*		
	- Cơ sở 3: Ấp Đông Hà, xã Tân Đông	*5.108,60*	*1.562,00*	*1.562,00*	*2711/QĐ-UBND cấp ngày 21/11/2014*				
	- Cơ sở 4: Ấp Tầm Phô, xã Tân Đông	*2.337,00*	*574,53*	*574,53*	*394/QĐ-UBND cấp ngày 24/08/2009*				
19	Trường MN Tân Hưng; Ấp Tân Trung A, xã Tân Hưng	4.833,00	4.833,00	4.833,00	424274 cấp ngày 27/09/2005	Xây dựng trường	Trường MN Tân Hưng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
20	Trương MN Tân Hiệp; Ấp Tân Trường, xã Tân Hiệp	2.964,00	1.315,00	1.315,00	160/QĐ-UBND cấp ngày 01/11/1991	Xây dựng trường	Trường MN Tân Hiệp	giữ lại tiếp tục sử dụng	

Stt	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích đất (m^2)	Diện tích nhà (m^2)		Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
			Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà					
1	2	3	4a	4b	5	6	7	8	9
21	Trường MN Hiệp Đức; Ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp	4.345,20	760,03	760,03	Đất của Công ty CS Tân Biên	Xây dựng trường	Trường MN Hiệp Đức	giữ lại tiếp tục sử dụng	
22	Trường MN Tân Thành	6.248,50	3.200,00	3.200,00					
	- Cơ sở 1: Ấp Tân Thuận, xã Tân Thành	*3.200,00*	*1.200,00*	*1.200,00*	*T00212 cấp ngày 08/08/2005*	*Xây dựng trường*	*Trường MN Tân Thành*	*giữ lại tiếp tục sử dụng*	
	- Cơ sở 2: Ấp Đồng Kèn, xã Tân Thành	*3.048,50*	*2.000,00*	*2.000,00*	*T00365 cấp ngày 27/09/2005*				
23	Trường MN Thạnh Đông; Ấp Thạnh Quới, xã Thạnh Đông	4.182,20	3.102,20	3.102,20	CT01431 cấp ngày 02/02/2016	Xây dựng trường	Trường MN Thạnh Đông	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
24	Trường MN thị trấn Tân Châu; KP4, thị trấn Tân Châu	6.898,00	1.250,00	1.250,00	00071QSDĐ/45030 1 cấp ngày 17/11/1997	Xây dựng trường	Trường MN Thị trấn	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
25	Trường MN Nước Trong	7.875,00	1.730,50	1.730,50					
	- Cơ sở 1: Ấp Hội An, xã Tân Hội	*5.670,00*	*1.391,00*	*1.391,00*	*T01079 cấp ngày 20/11/2007*	*Xây dựng trường*	*Trường MN Nước Trong*	*Giữ lại tiếp tục sử dụng*	
	- Cơ sở 2: Ấp Hội Thạnh, xã Tân Hội	*2.205,00*	*232,00*	*232,00*	*Đất chung với Trường Tiểu học Tân Hội B*				
	- Cơ sở 3: Ấp Hội Thành, xã Tân Hội		*107,50*	*107,50*	*Đất chung với Trường Tiểu học Tân Hội A*				
26	Trường MN Bổ Túc; Ấp Đông Lợi, xã Tân Đông	1.896,00	375,00	375,00	AH392361 cấp ngày 20/6/2007	Xây dựng trường	Trường MN Bổ Túc	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
27	Trường MN Suối Ngô; Ấp 3, xã Suối Ngô	2.381,90	460,00	460,00					
	- Cơ sở 1: Ấp 3, xã Suối Ngô	*1.206,00*	*316,00*	*316,00*	*T00951 cấp ngày 20/06/2007*	*Xây dựng trường*	*Trường MN Suối Ngô*	*Giữ lại tiếp tục sử dụng*	
	- Cơ sở 1: Ấp 1, xã Suối Ngô	*1.175,90*	*144,00*	*144,00*	*T01119 cấp ngày 24/11/2014*				

Stt	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích đất (m^2)	Diện tích nhà (m^2)		Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
			Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà					
1	2	3	4a	4b	5	6	7	8	9
28	Trường MN Sơn Ca	7.373,60	814,00	814,00					
	- Cơ sở 1: Ấp 4, xã Suối Ngô	*3.413,60*	*492,00*	*492,00*	*CT01037 cấp ngày 27/06/2014*	*Xây dựng trường*	*Trường MN Sơn Ca*	*Giữ lại tiếp tục sử dụng*	
	- Cơ sở 1: Ấp 6, xã Suối Ngô	*3.960,00*	*322,00*	*322,00*	*Đang làm thủ tục cấp GCNQSDĐ*				
29	Trường MN Tân Hòa	11.084,10	2.847,00	2.847,00					
	- Cơ sở 1: Ấp Tân Thuận, xã Tân Hòa	*2.091,00*	*1.191,00*	*1.191,00*	*AD980667 cấp ngày 22/5/2006*	*Xây dựng trường*	*Trường MN Tân Hòa*	*giữ lại tiếp tục sử dụng*	
	- Cơ sở 2: Ấp Trảng Trai, xã Tân Hòa	*5.459,50*	*1.500,00*	*1.500,00*	*Đang làm thủ tục cấp GCNQSDĐ*				
	- Cơ sở 3: Ấp Suối Bà Chiêm, xã Tân Hòa	*3.533,60*	*156,00*	*156,00*	*CO560074 cấp ngày 25/10/2018*				
30	Trường MN Tân Phú	10.050,00	2.302,50	2.302,50					
	- Vị trí 1: Ấp Tân Hòa, xã Tân Phú	*4.031,60*	*1.798,50*	*1.798,50*	*Đang làm thủ tục cấp GCNQSDĐ*	*Xã giao đất xây dựng trường*	*Trường MN Tân Phú*	*Giữ lại tiếp tục sử dụng*	
	- Vị trí 1: Ấp Tân Lợi, xã Tân Phú	*5.501,40*	*252,00*	*252,00*					
	- Vị trí 1: Ấp Tân Châu, xã Tân Phú	*517,00*	*252,00*	*252,00*					
	Trường TH	**284.340,90**	**37.807,40**	**54.617,50**					
31	Trường TH Suối Ngô A; Ấp 3, xã Suối Ngô	5.980,00	1.980,00	2.558,00	TC00996 cấp ngày 3/6/2014	Xây dựng trường	Trường TH Suối Ngô A	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
32	Trường TH Suối Ngô B	8.291,20	1.008,00	1.280,00					
	- Vị trí 1: Ấp 7, xã Suối Ngô	*5.524,40*	*832,00*	*1.104,00*	*T00209 cấp ngày 8/8/2015*	*Xây dựng trường*	*Trường TH Suối Ngô B*	*Giữ lại tiếp tục sử dụng*	
	- Vị trí 2: Ấp 1, xã Suối Ngô	*2.766,80*	*176,00*	*176,00*	*CT00789 cấp ngày 13/1/2014*				
33	Trường TH Suối Ngô C	12.007,00	1.167,00	1.541,00					
	- Cơ sở 1: Ấp 2, xã Suối Ngô	*2.207,00*	*160,00*	*160,00*	*T00956 cấp ngày 25/7/2007*	*Xây dựng trường*	*Trường TH Suối Ngô C*	*Giữ lại tiếp tục sử dụng*	
	- Cơ sở 2: Ấp 4, xã Suối Ngô	*9.800,00*	*1.007,00*	*1.381,00*	*T00203 cấp ngày 29/7/2005*				

Stt	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích đất (m^2)	Diện tích nhà (m^2)		Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
			Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà					
1	2	3	4a	4b	5	6	7	8	9
34	Trường TH Suối Ngô D	15.280,00	716,00	716,00					
	- Cơ sở 1: Ấp 5, xã Suối Ngô	*1.600,00*	*126,00*	*126,00*	*T002201 cấp ngày 29/7/2005*	*Xây dựng trường*	*Trường TH Suối Ngô D*	*giữ lại tiếp tục sử dụng*	
	- Cơ sở 2: Ấp 6, xã Suối Ngô	*13.680,00*	*590,00*	*590,00*	*T00215 cấp ngày 8/8/2005*				
35	Trường TH Tân Hà; Ấp Tân Kiên, xã Tân Hà	9.399,50	1.344,00	1.568,00	AC991185 cấp ngày 24/7/2005	Xây dựng trường	Trường TH Tân Hà	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
36	Trường TH Nguyễn Viết Xuân; Ấp Đông Thành, xã Tân Đông	11.435,10	2.316,00	9.119,10	T00168 cấp ngày 29/7/2005	Xây dựng trường	Trường TH Nguyễn Viết Xuân	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
37	Trường TH Tân Hội A	13.739,90	1.268,00	1.540,00					
	- Cơ sở 1: Ấp Hội Phú, xã Tân Hội	*4.345,00*	*468,00*	*740,00*	*AC991186 cấp ngày 20/7/2005*	*Xây dựng trường*	*Trường TH Tân Hội A*	*Giữ lại tiếp tục sử dụng*	
	- Cơ sở 2: Ấp Hội An, xã Tân Hội	*4.776,00*	*644,00*	*644,00*	*AH392286 cấp ngày 18/12/2007*				
	- Cơ sở 3: Ấp Hội Thành, xã Tân Hội	*4.618,90*	*156,00*	*156,00*	*AH392287 cấp ngày 18/12/2007*				
38	Trường TH Tân Hội B; Ấp Hội Thanh, xã Tân Hội	8.056,00	710,00	982,00	AC991217 cấp ngày 8/8/2005	Xây dựng trường	Trường TH Tân Hội B	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
39	Trường TH Tân Hội C; Ấp Hội Tân, xã Tân Hội	4.645,00	468,00	468,00	AC991195 cấp ngày 29/7/2005	Xây dựng trường	Trường TH Tân Hội C	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
40	Trường TH Tân Hiệp A; Ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp	3.862,80	572,00	776,00	T00202 cấp ngày 29/7/2005	Xây dựng trường	Trường TH Tân Hiệp A	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
41	Trường TH Tân Hiệp B; Ấp Tân Bình, xã Tân Hiệp	1.935,50	698,00	698,00	T00199 cấp ngày 29/7/2005	Xây dựng trường	Trường TH Tân Hiệp B	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
		2.222,00	467,00	467,00	T000808 cấp ngày 21/12/2006				
42	Trường TH Thị trấn A; KP2, thị trấn Tân Châu	11.095,00	1.470,00	1.470,00	AH392024, 170/QĐ-UBND ngày 1/11/1991	Xây dựng trường	Trường TH Thị trấn A	giữ lại tiếp tục sử dụng	
43	Trường TH Thị trấn B; KP4, thị trấn Tân Châu	9.880,00	1.859,00	2.879,00	00021QSDĐ/450301 cấp ngày 29/8/1997	Xây dựng trường	Trường TH Thị trấn B	giữ lại tiếp tục sử dụng	

Stt	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích đất (m^2)	Diện tích nhà (m^2)		Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
			Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà					
1	2	3	4a	4b	5	6	7	8	9
44	Trường TH Thạnh Đông A	7.125,90	2.652,00	3.164,00					
	- Cơ sở 1:ấp Thạnh Quới, xã Thạnh Đông (chính)	*4.548,90*	*2.396,00*	*2.908,00*	*CT01429 cấp ngày 2/2/2016*	*Xây dựng trường*	*Trường TH Thạnh Đông A*	*giữ lại tiếp tục sử dụng*	
	- Cơ sở 2:ấp Thạnh Hưng, xã Thạnh Đông (phụ)	*2.577,00*	*256,00*	*256,00*	*CT00178 cấp ngày 29/7/2005*				
45	Trường TH Thạnh Đông B; Ấp Thạnh Nghĩa, xã Thạnh Đông	5.689,00	540,00	684,00	T00644 cấp ngày 22/5/2006	Xây dựng trường	Trường TH Thạnh Đông B	giữ lại tiếp tục sử dụng	
46	Trường TH Tân Phú A	20.026,00	1.728,00	2.204,00					
	- Cơ sở 1: Ấp Tân Hòa, xã Tân Phú	*3.733,00*	*792,00*	*1.268,00*	*AC991191 cấp ngày 29/5/2005*	*Xây dựng trường*	*Trường TH Tân Phú A*	*giữ lại tiếp tục sử dụng*	
	- Cơ sở 2: Ấp Tân Tiến, xã Tân Phú	*8.119,00*	*392,00*	*392,00*	*AC991191 cấp ngày 21/2/2018*				
	- Cơ sở 3: Ấp Tân Thanh, xã Tân Phú	*8.174,00*	*544,00*	*544,00*	*AC991173 cấp ngày 29/5/2005*				
47	Trường TH Tân Phú B	11.898,00	1.406,00	2.092,00					
	- Cơ sở 1: Ấp Tân Xuân, xã Tân Phú	*6.032,00*	*958,00*	*1.644,00*	*AC991190 cấp ngày 19/7/2005*	*Xây dựng trường*	*Trường TH Tân Phú B*	*giữ lại tiếp tục sử dụng*	
	- Cơ sở 2: Ấp Tân Lợi, xã Tân Phú	*4.287,00*	*256,00*	*256,00*	*AC991189 cấp ngày 19/7/2005*				
	- Cơ sở 3: Ấp Tân Châu, xã Tân Phú	*1.579,00*	*192,00*	*192,00*	*AH392004 cấp ngày 5/2/2007*				
48	Trường TH Lương Định Của	14.185,70	3.049,00	3.525,00					
	- Cơ sở 1: Ấp Tân Đông, xã Tân Hưng (chính)	*7.893,70*	*2.479,00*	*2.955,00*	*AC991184 cấp ngày 9/8/2005*	*Xây dựng trường*	*Trường TH Lương Định Của*	*giữ lại tiếp tục sử dụng*	
	- Cơ sở 2: Ấp Tân Đông, xã Tân Hưng (phụ)	*6.292,00*	*570,00*	*570,00*	*AC991200 cấp ngày 29/7/2005*				
49	Trường TH Tân Hưng A; Ấp Tân Trung, xã Tân Hưng	8.382,00	1.376,00	2.596,00	AC991197 cấp ngày 29/7/2005	Xây dựng trường	Trường TH Tân Hưng A	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
50	Trường TH Tân Hưng C	6.188,00	1.920,00	3.519,00					
	- Cơ sở 1:ấp Tân Thạnh, xã Tân Hưng	4.651,00	1.752,00	3.351,00	AC991192 cấp ngày 29/7/2005	Xây dựng trường	Trường TH Tân Hưng C	giữ lại tiếp tục sử dụng	
	- Cơ sở 2:ấp Tân Lợi, xã Tân Hưng	1.537,00	168,00	168,00	AC991198 cấp ngày 29/7/2005				

Stt	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích đất (m^2)	Diện tích nhà (m^2)		Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
			Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà					
1	2	3	4a	4b	5	6	7	8	9
51	Trường TH Suối Dây A; Ấp 3, xã Suối Dây	9.822,50	1.116,00	1.116,00	T01202 cấp ngày 26/1/1991	Xây dựng trường	Trường TH Suối Dây A	giữ lại tiếp tục sử dụng	
52	Trường TH Suối Dây B; Ấp 4, xã Suối Dây	4.480,30	808,40	1.116,40	Đất Nông trường CS	Xây dựng trường	Trường TH Suối Dây B	giữ lại tiếp tục sử dụng	
53	Trường TH Tân Đông A	19.253,80	952,00	1.212,00					
	- Cơ sở 1: Ấp Đông Hà, xã Tân Đông (chính)	*13.974,90*	*596,00*	*856,00*	*BM189350 cấp ngày 26/6/2015*	*Xây dựng trường*	*Trường TH Tân Đông A*	*Giữ lại tiếp tục sử dụng*	
	- Cơ sở 2: Ấp Suối Dầm, xã Tân Đông (phụ)	*1.144,90*	*96,00*	*96,00*	*CĐ540144 cấp ngày 23/8/2005*				
	- Cơ sở 3: Ấp Đông Lợi, xã Tân Đông (phụ)	*4.134,00*	*260,00*	*260,00*	*CB640695 cấp ngày 27/9/2016*				
54	Trường TH Tân Đông B	14.550,00	1.040,00	1.040,00					
	- Cơ sở 1: Ấp Đông Biên, xã Tân Đông (chính)	*11.540,00*	*536,00*	*536,00*	*T00773 cấp ngày 23/11/2006*	*Xây dựng trường*	*Trường TH Tân Đông B*	*Giữ lại tiếp tục sử dụng*	
	- Vị trí 2: Ấp Tầm Phô, xã Tân Đông	*1.610,00*	*224,00*	*224,00*	*T00173 cấp ngày 29/7/2005*				
	- Vị trí 3: Ấp Ka Ốt, xã Tân Đông	*1.400,00*	*280,00*	*280,00*	*T00169 cấp ngày 29/7/2005*				
55	Trường TH Tân Hòa A	12.529,20	664,00	920,00					
	- Cơ sở 1: Ấp Cây Khế, xã Tân Hòa	*9.085,20*	*296,00*	*296,00*	*AC991174 cấp ngày 29/7/2005*	*Xây dựng trường*	*Trường TH Tân Hòa A*	*Giữ lại tiếp tục sử dụng*	
	- Cơ sở 2: Ấp Tân Thuận, xã Tân Hòa	*3.444,00*	*368,00*	*624,00*	*AC991207 cấp ngày 29/7/2005*				
56	Trường TH Tân Hòa C; Ấp Cây Cầy, xã Tân Hòa	2.776,00	464,00	634,00	AC991208 cấp ngày 29/7/2007	Xây dựng trường	Trường TH Tân Hòa C	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
57	Trường TH Tân Thành A; Ấp Tân Thuận, xã Tân Thành	6.840,00	1.222,00	1.460,00	T00196 cấp ngày 29/7/2005	Xây dựng trường	Trường TH Tân Thành A	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
58	Trường TH Tân Thành B	5.700,00	895,00	1.341,00					
	- Cơ sở 1: Ấp Tân Hiệp, xã Tân Thành	*3.700,00*	*606,00*	*1.052,00*	*T00195 cấp ngày 29/7/2005*	*Xây dựng trường*	*Trường TH Tân Thành B*	*giữ lại tiếp tục sử dụng*	
	- Cơ sở 2: Ấp Tân Hòa, xã Tân Thành	*2.000,00*	*289,00*	*289,00*	*T00193 cấp ngày 29/7/2005*				

Stt	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích đất (m^2)	Diện tích nhà (m^2)		Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
			Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà					
1	2	3	4a	4b	5	6	7	8	9
59	Trường TH Đồng Kèn; ấp Đồng Kèn II, xã Tân Thành	7.671,50	448,00	448,00	69/QĐ-UBND ngày 01/09/2014	Xây dựng trường	Trường TH Đồng Kèn	giữ lại tiếp tục sử dụng	
60	Trường TH Bưng Bàng	9.394,00	1.484,00	1.484,00					
	- Cơ sở 1: Ấp Suối Bà Chiêm, xã Tân Hòa	*3.438,00*	*972,00*	*972,00*	*Đất thuộc dự án RPH*	*Xây dựng trường*	*Trường TH Bưng Bàng*	*Giữ lại tiếp tục sử dụng*	
	- Cơ sở 2: Ấp Trảng Trai, xã Tân Hòa	*5.956,00*	*512,00*	*512,00*	*551/QĐ-UBND ngày 21/10/2005*				
	Trường THCS	**107.653,10**	**23.017,30**	**45.467,30**					
61	Trường THCS Thạnh Đông; Ấp Thạnh Quới, xã Thạnh Đông	6.752,40	1.300,00	17.668,00	T01335 cấp ngày 5/5/2009	Xây dựng trường	Trường THCS Thạnh Đông	giữ lại tiếp tục sử dụng	
62	Trường THCS Tân Hiệp; Ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp	3.520,00	728,00	728,00	T00200 cấp ngày 29/7/2005	Xây dựng trường	Trường THCS Tân Hiệp	giữ lại tiếp tục sử dụng	
63	Trường THCS Tân Đông; Ấp Đông Hiệp, xã Tân Đông	17.000,00	2.824,00	5.374,00	BA021545 cấp ngày 1/7/2004	Xây dựng trường	Trường THCS Tân Đông	giữ lại tiếp tục sử dụng	
64	Trường THCS Tân Hà; Ấp Tân Trung, xã Tân Hà	6.354,00	824,00	824,00	AC991180 cấp ngày 29/7/2005	Xây dựng trường	Trường THCS Tân Hà	giữ lại tiếp tục sử dụng	
65	Trường THCS Suối Dây; Ấp 3, xã Suối Dây	9.233,00	1.470,00	1.470,00	991176 cấp ngày 29/7/2005	Xây dựng trường	Trường THCS Suối Dây	giữ lại tiếp tục sử dụng	
66	Trường THCS Tân Hưng; Ấp Tân Tây, xã Tân Hưng	8.501,30	6.465,30	8.501,30	CT01706 cấp ngày 20/12/2016	Xây dựng trường	Trường THCS Tân Hưng	giữ lại tiếp tục sử dụng	
67	Trường THCS Đồng Rùm; Ấp Tân Trung, xã Tân Thành	7.950,00	916,00	916,00	AC991218 cấp ngày 8/8/2015	Xây dựng trường	Trường THCS Đồng Rùm	giữ lại tiếp tục sử dụng	
68	Trường THCS Thị trấn; KP3, thị trấn Tân Châu	9.948,00	4.411,00	4.411,00	T504186 cấp ngày 10/3/2004	Xây dựng trường	Trường THCS Thị trấn	giữ lại tiếp tục sử dụng	
69	Trường THCS Bưng Bàng;ấp Suối Bà Chiêm, xã Tân Hòa	4.914,00	414,00	414,00	Đất thuộc dự án RPH	Xây dựng trường	Trường THCS Bưng Bàng	giữ lại tiếp tục sử dụng	

Stt	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích đất (m^2)	Diện tích nhà (m^2)		Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
			Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà					
1	2	3	4a	4b	5	6	7	8	9
70	Trường THCS Tân Hòa; Ấp Tân Thuận, xã Tân Hòa	10.581,00	744,00	744,00	T00382 cấp ngày 27/9/2005	Xây dựng trường	Trường THCS Tân Hòa	giữ lại tiếp tục sử dụng	
71	Trường THCS Tân Phú; Ấp Tân Hòa, xã Tân Phú	4.624,00	620,00	620,00	AC991182 cấp ngày 29/7/2005	Xây dựng trường	Trường THCS Tân Phú	giữ lại tiếp tục sử dụng	
72	Trường THCS Bổ Túc; Ấp 7, xã Suối Dây	6.434,40	624,00	1.100,00	HA392007 cấp ngày 2/2/2007	Xây dựng trường	Trường THCS Bổ Túc	giữ lại tiếp tục sử dụng	
73	Trường THCS Suối Ngô; Ấp 2, xã Suối Ngô	8.128,00	1.125,00	1.601,00	189345 cấp ngày 13/1/2014	Xây dựng trường	Trường THCS Suối Ngô	giữ lại tiếp tục sử dụng	
74	Trường THCS Lê Lợi; Ấp Hội Phú, xã Tân Hội	3.713,00	552,00	1.096,00	T002204 cấp ngày 29/7/2005	Xây dựng trường	Trường THCS Lê Lợi	giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Tổng cộng:	**1.041.332,10**	**130.675,21**	**177.789,59**					

Phụ lục II

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

TRỤ SỞ LÀM VIỆC HUYỆN TÂN CHÂU DỰ KIẾN BÁN ĐẤU GIÁ TÀI SẢN TRÊN ĐẤT VÀ QSDĐ NỘP NSNN GIAI ĐOẠN 2019-2020

(kèm theo Quyết định số 847/QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Số TT	TÊN ĐƠN VỊ	ĐỊA CHỈ	DIỆN TÍCH		SỐ TIỀN DỰ KIẾN BÁN ĐẤU GIÁ UBND TỈNH (ĐVT: nghìn đồng)			SỐ TIỀN DỰ KIẾN KÊU GỌI ĐẦU TƯ THỊ TRƯỜNG THỰC TẾ (ĐVT: nghìn đồng)			Thời gian dự kiến	GHI CHÚ
			Nhà (m^2)	Đất (m^2)	Nhà	Đất	Cộng	Nhà	Đất	Cộng		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8=6+7*	*9*	*10*	*11=9+10*	*12*	*13*
1	Phòng Tài chính - Kế hoạch (cũ)	Số 352, đường Lê Duẩn, KP2, thị trấn Tân Châu	386,66	286,50	532.817	888.150	1.420.967	532.817	9.741.000	10.273.817	Quí IV/ 2020	
	Tổng cộng:				**532.817**	**888.150**	**1.420.967**	**532.817**	**9.741.000**	**10.273.817**		